

I. VÀI NÉT VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN LUẬT KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ TRONG NƯỚC VÀ NGHỊ ĐỊNH 07

1. Tình hình chung

Kể từ khi Luật KKĐTTN ra đời năm 1994 và sau khi Nghị định 07/1998-NĐ-CP ngày 15.1.1998 của Chính phủ (Quy định chi tiết thi hành luật KKĐTTN (sửa đổi)) có hiệu lực, theo thống kê chưa đầy đủ đến hết tháng 12.1998 cả nước đã có 2.643 dự án được cấp giấy chứng nhận ưu đãi với tổng số vốn đầu tư đăng ký trên 38.439,5 tỷ đồng. Một điều đáng chú ý là tất cả 61 tỉnh thành trong cả nước đều đã triển khai thực hiện Luật KKĐTTN. Qua đó đã thu hút được một lực lượng đáng kể lao động có công ăn việc làm khoảng trên dưới 400.000 người.

Chỉ tính riêng trong năm 1998 sau khi Nghị định 07 có hiệu lực thì kết quả thực hiện Luật KKĐTTN đã có bước phát triển rõ rệt. Có 954 dự án được cấp giấy chứng nhận ưu đãi với số vốn đăng ký trên 19.389 tỷ đồng trong đó khu vực quốc doanh chiếm 57,76% số dự án và 85,15% vốn đăng ký.

Như vậy so với giai đoạn trước khi có Nghị định 07, đầu tư trong nước đã có một bước phát triển vượt bậc. Nếu so với cả giai đoạn 4 năm thì

10,5%.

Vùng V bao gồm 8 tỉnh thành phố Đông Nam bộ chiếm 19,15% số dự án và 41% số vốn đăng ký.

Vùng III và IV bao gồm 13 tỉnh miền Trung và Tây Nguyên chiếm 11,7% số dự án và 18,2% vốn đăng ký.

Vùng I và II bao gồm 28 tỉnh, thành phố từ Hà Tĩnh trở ra chiếm gần 30% số dự án và 30,3% vốn đầu tư.

Những tỉnh đi đầu trong việc thực thi Luật KKĐTTN chủ yếu tập trung ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam bộ. Một số địa phương thuộc vùng sâu, vùng xa đã có những cố gắng rất lớn như Sơn La trong thời gian qua đã cấp được 23 dự án ưu đãi với số vốn 181 tỷ đồng, Hà Giang 20 dự án với 41 tỷ đồng, Kon-tum 28 dự án với 288 tỷ đồng.

Nhưng bên cạnh đó, nhiều địa phương khác chỉ chú trọng khuyến khích ưu đãi ngành nghề, ít quan tâm đến địa bàn khó khăn. Vì thế tín dụng ưu đãi từ quỹ hỗ trợ đầu tư quốc gia (HTĐTQG) thường chỉ rót vào những dự án đầu tư ở những địa bàn trung tâm, thuận lợi còn đại bộ phận các huyện miền núi, vùng khó khăn không quan tâm hoặc không được biết về chính sách ưu đãi và khuyến khích đầu tư của Nhà nước.

bảng sau:

Thành phần kinh tế	- DN Quốc doanh	- DN Dân doanh	Tổng cộng
Số dự án	1.416	1.227	2.643
%	53	47	100
Vốn đăng ký 10 ⁹ ĐVN	33.201	5.238,5	38.439,5
%	86,4	13,6	100
VĐT/DA 10 ⁶ ĐVN	23.447	4.269,4	

Số liệu trên cho thấy đến nay chủ yếu vẫn là "Nhà nước khuyến khích doanh nghiệp Nhà nước". Còn khu vực kinh tế dân doanh chưa được khuyến khích động viên đúng mức, chưa được hỗ trợ một cách thiết thực và có hiệu quả. Phải chăng thực tế này là do trong tiềm thức của các cán bộ ban, ngành và chính quyền chưa thấy rõ được tiềm năng và vai trò của khu vực kinh tế này đối với sự phát triển nền kinh tế? Thậm chí cho đến nay còn 8 tỉnh chưa thu hút được một dự án dân doanh nào đó là Hòa Bình, Cao Bằng, Hà Nam, Yên Bái, Thái Bình, Bắc Giang, Phú Yên và Tây Ninh.

4. Tương quan giữa đầu tư mới và đầu tư mở rộng

Đây là 2 hình thức đầu tư chủ yếu theo Luật KKĐTTN. Sau hơn 4 năm thực hiện Luật, hình thức đầu tư mới chiếm 63,56% số dự án và 73,41% số vốn đầu tư, trong khi hình thức đầu tư mở rộng chỉ chiếm 36,44% số dự án và 26,59% số vốn đầu tư. Sở dĩ có sự mất cân đối giữa 2 hình thức đầu tư như vậy là do Luật KKĐTTN năm 1994 có nhiều ưu đãi hơn cho dự án mới, mặc dù thực tế đầu tư mở rộng và đầu tư chiều sâu là những hình thức rất đáng khuyến khích vì chúng mang lại hiệu quả kinh tế cao. Nếu xét theo địa phương thì tình hình đầu tư mới và mở rộng còn rất nhiều bất hợp lý. Chẳng hạn Hà Giang không có một dự án đầu tư mới trong khi Bình Phước, Yên Bái, Thái Bình chỉ có hình thức đầu tư mới, không có đầu tư mở rộng và đầu tư chiều sâu.

II. NHỮNG TỒN TẠI VÀ NGUYÊN NHÂN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN LUẬT KKĐTTN VÀ NGHỊ ĐỊNH 07

Mặc dù Luật KKĐTTN và Nghị định 07 đã đưa ra nhiều biện pháp hỗ trợ đầu tư nhằm mục đích khuyến khích và giúp đỡ các nhà đầu tư trong nước có được nhiều điều kiện thuận lợi để khai thác tiềm năng sẵn có của từng cá nhân, từng ngành, từng vùng và địa phương. Song trên thực tế việc thực thi các biện pháp đó còn nhiều

MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM THỰC HIỆN TỐT LUẬT KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ TRONG NƯỚC

Thạc sĩ PHẠM THỊ HÀ

Chỉ riêng năm 1998 đã chiếm 36,1% số dự án và 50,5% số vốn đăng ký.

2. Tình hình thực hiện Luật theo vùng

Việc triển khai thực hiện Luật KKĐTTN không đồng đều giữa các vùng trong cả nước.

Chỉ tính số dự án được cấp giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư trong năm 1998 cho thấy rõ điều đó.

Vùng VI bao gồm 12 tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long số dự án chiếm 38,8% và số vốn đăng ký chiếm

Điều này cho thấy vấn đề nhận thức, thái độ và trách nhiệm của các cấp chính quyền đối với nhân dân và sự phát triển kinh tế của địa phương mình chưa đúng đắn.

3. Tình hình đầu tư theo thành phần kinh tế:

Thực tế triển khai đầu tư theo Luật KKĐTTN cho thấy có sự khác biệt rất rõ ràng giữa 2 khu vực quốc doanh và dân doanh, được thể hiện qua một số chỉ tiêu chủ yếu trong

vấn đề phải được chấn chỉnh lại cho phù hợp.

1. Vay vốn từ Quỹ "Hỗ trợ đầu tư quốc gia" (HTĐTQG)

Tính đến cuối năm 1998 trên phạm vi cả nước có 849 dự án (chiếm 32,1% số dự án) được vay vốn tín dụng ưu đãi từ quỹ HTĐTQG với số vốn là 1.415,8 tỷ đồng, trong đó khu vực quốc doanh 514 dự án chiếm 60,5% và 84,2% số vốn tín dụng được vay từ quỹ này. Ở nhiều địa phương vốn tín dụng từ quỹ HTĐTQG đã và đang sử dụng sai mục đích và tinh thần của Luật KKĐTTN như vốn tín dụng ưu đãi được dành hết cho các doanh nghiệp Nhà nước, thậm chí dồn cho cả doanh nghiệp Nhà nước không thuộc diện ưu đãi đầu tư. Có tỉnh có 3 dự án ưu đãi đầu tư thuộc doanh nghiệp Nhà nước thì cả ba đều được thỏa mãn 100% nhu cầu vốn lấy từ quỹ này.

Trong khi 50 tỉnh, thành có đầu tư dân doanh thì có tới 11 tỉnh các nhà đầu tư tư nhân không tiếp cận được đến nguồn vốn này. Chỉ có 2 tỉnh sử dụng vốn của quỹ này đúng theo tinh thần của Luật, đó là Trà Vinh đã cấp 7,1 tỷ đồng cho 69 dự án dân doanh và một dự án quốc doanh, và Cà Mau cấp 17,8 tỷ đồng cho 62 dự án dân doanh và 6 dự án quốc doanh.

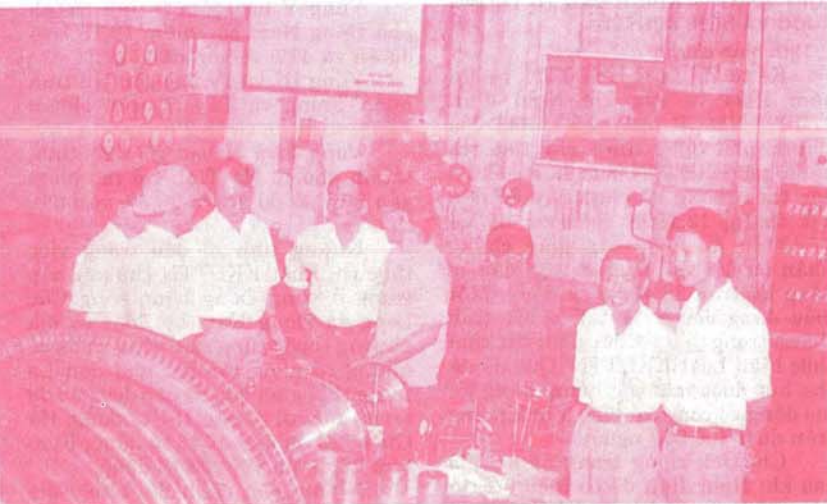
Sở dĩ có tình trạng trên, ngoài việc nhận thức không đúng của các cấp chính quyền còn phải kể đến một nguyên nhân khác là số vốn của quỹ HTĐTQG còn nhỏ, lại thêm lãi suất cho vay chưa thật sự khuyến khích, thủ tục cho vay lại rườm rà cho nên các nhà đầu tư muốn vay được vốn phải mất quá nhiều thời gian và công sức đi lại.

2. Vấn đề giao và cho thuê đất

Việc giao và cho thuê đất làm mặt bằng sản xuất kinh doanh đã được ghi nhận trong Pháp lệnh và Chính phủ cũng đã ban hành Nghị định số 85/CP quy định thi hành Pháp lệnh trên song trên thực tế việc này còn phải qua nhiều thủ tục, đầu mối rất phiền hà, chính sách cho thuê đất đối với người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài cư trú lâu dài ở Việt Nam đầu tư theo Luật KKĐTTN chưa rõ ràng. Mới chỉ đáp ứng được 1/10 số dự án và đa số là dành cho doanh nghiệp Nhà nước. Còn dân doanh không đáng kể, khoảng 26,2% số dự án và 2,53% diện tích đất.

Cụ thể tính đến hết tháng 6.1998 có 149 dự án với tổng diện tích giao và cho thuê là 111,42 triệu m² trong đó riêng tỉnh Sơn La giao đất, giao rừng cho 15 dự án chiếm 100,28 triệu m² khoảng 90% diện tích.

Đáng chú ý là có 110 dự án thuộc khu vực quốc doanh được giải quyết 108,6 triệu m² còn dân doanh chỉ có



39 dự án với diện tích 2,78 triệu m².

Như vậy khu vực quốc doanh luôn luôn được hưởng ưu đãi còn khu vực dân doanh không được chú ý thỏa đáng, điều này không phù hợp với tinh thần của Luật KKĐTTN.

3. Xây dựng các khu công nghiệp để cho thuê mặt bằng

Tính đến hết tháng 12.1998 trên cả nước đã có 64 khu công nghiệp, khu chế xuất với tổng diện tích hơn 24000 ha đất, hiện có trên 1700 ha đất đã đăng ký cho thuê (chưa kể diện tích cho thuê của khu công nghiệp Dung Quất). Đã có 599 dự án được cấp phép hoạt động tại các khu công nghiệp, khu chế xuất trong đó có 467 dự án với số vốn 5940,6 triệu USD đầu tư theo Luật ĐTN, 132 dự án với số vốn 553,4 tỷ đồng đầu tư theo Luật KKĐTTN.

Qua số liệu trên cho thấy các nhà đầu tư trong nước tham gia vào khu công nghiệp còn quá ít, nguyên nhân là do giá thuê đất và chi phí trả cho việc sử dụng cơ sở hạ tầng ở nhiều khu công nghiệp còn cao, đặc biệt ở các vùng nông thôn, miền núi là những nơi rất cần phát triển kinh tế nhưng biện pháp này chưa được sử dụng đúng mức.

4. Thủ tục đầu tư

Theo ý kiến chung thì hầu như tất cả mọi thủ tục liên quan đến đầu tư và kinh doanh ở Việt Nam đều nhiều khâu, rắc rối phức tạp và gây quá nhiều phiền hà cho các nhà đầu tư. Bốn loại giấy phép gồm thành lập doanh nghiệp, đầu tư, đăng ký kinh doanh, chứng nhận ưu đãi đầu tư và hơn 200 loại giấy phép hành nghề buộc nhà đầu tư phải qua nhiều cửa, với nhiều thủ tục tại nhiều cơ quan do đó tốn kém thời gian, tiền của, làm nản lòng các nhà đầu tư. Ngoài ra còn phải kể đến khoảng cách giữa luật với

thực tế, sự thay đổi thường xuyên của các chính sách làm cho các nhà đầu tư không yên tâm khi đi vào đầu tư.

5. Chính sách đối với Việt kiều và ngoại kiều

Luật KKĐTTN đã có chính sách khuyến khích Việt kiều và người nước ngoài thường trú ở Việt Nam đầu tư nhưng cho đến nay kết quả còn quá thấp mới chỉ có 151 dự án của Việt kiều và 4 dự án của người nước ngoài thường trú tại Việt Nam. Theo báo cáo của Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài họ có thu nhập hàng năm khoảng 15 đến 30 tỷ USD, gửi về Việt Nam khoảng 2 đến 3 tỷ USD trong khi đầu tư của họ theo cả 2 luật đầu tư chỉ khoảng 130 triệu USD.

Điều này cho thấy chính sách áp dụng 1 giá được Nghị định 07 đề ra không được thực thi trong thực tế cho nên vẫn còn sự phân biệt đối xử và chính sách mới chỉ dừng lại ở chủ trương.

6. Các biện pháp hỗ trợ đầu tư khác

Đó là Nhà nước góp vốn vào các cơ sở sản xuất kinh doanh thông qua doanh nghiệp nhà nước và các tổ chức tín dụng, bảo lãnh tín dụng đầu tư, phổ biến và chuyển giao công nghệ tạo điều kiện cho các chủ đầu tư được sử dụng với mức phí ưu đãi các công nghệ mới tạo ra bởi vốn ngân sách nhà nước v.v... Nhưng cho đến nay chưa thực hiện cụ thể.

III. NHỮNG KIẾN NGHỊ VỀ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH

Để cải thiện môi trường đầu tư nhằm khuyến khích các nhà đầu tư và các địa phương thực thi tốt Luật KKĐTTN (sửa đổi) cần tập trung vào một số giải pháp cơ bản sau đây:

1. Về mặt nhận thức

Cần chấm dứt tình trạng phân biệt đối xử trong áp dụng các chính

sách đầu tư đối với các nhà đầu tư thuộc mọi thành phần kinh tế như chính sách thuế, lãi suất vay vốn từ quỹ HTĐTQG, thuê đất, giao đất.

Nên áp dụng chính sách giá thống nhất một số loại dịch vụ cho người Việt Nam, người nước ngoài và Việt kiều như cước phí điện thoại, vé máy bay, phí làm thị thực nhập cảnh, để khuyến khích đầu tư và du lịch.

Chính sách ưu đãi đối với vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn, vùng kinh tế trọng điểm cần được quán triệt theo đúng tinh thần của luật để tạo cơ sở cho việc phát triển kinh tế ở các vùng trên phục vụ cả nước.

Xóa bỏ độc quyền trong tất cả các lĩnh vực, ngành nghề và hoạt động kinh doanh đặc biệt là trong xuất khẩu.

Trong chừng mực nhất định cần có những hỗ trợ thiết thực hơn cho khu vực dân doanh để nhà đầu tư có điều kiện khai thác khả năng tiềm tàng của mình nhằm góp phần đưa nền kinh tế phát triển vững mạnh từ mọi phía.

Cần tuyên truyền rộng rãi chính sách khuyến khích ưu đãi đầu tư đến các nhà đầu tư cũng như mọi tầng lớp dân cư thông qua các phương tiện thông tin đại chúng để người dân biết và hưởng ứng tích cực. Mặt khác cần tổ chức tốt các đợt tập huấn cho cán bộ quản lý ở các địa phương để họ triển khai, thực thi luật, chính sách cho đúng và tốt.

2. Cần giảm bớt thủ tục cho các nhà đầu tư dân doanh

Khi xin phép đầu tư nhà đầu tư trong nước cũng chỉ cần 1 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh còn giấy phép hành nghề chỉ yêu cầu trong trường hợp vì lý do an toàn cho người tiêu dùng và xã hội, các loại giấy tờ khác nên bỏ.

Thiết nghĩ điều này sẽ không có gì trở ngại vì với nhà đầu tư nước ngoài khi thành lập doanh nghiệp cũng chỉ cần 1 giấy là giấy phép thành lập doanh nghiệp. Và lại giảm bớt các thủ tục không cần thiết sẽ giúp nhà đầu tư thoải mái, không tốn kém chi phí, thời gian đi lại và yên tâm hơn khi có ý định đầu tư.

3. Cải tổ quỹ HTĐTQG

Thay đổi căn bản cơ chế điều hành của quỹ HTĐTQG làm cho quỹ này thực sự đóng vai trò hỗ trợ, xúc tác đầu tư cho mọi thành phần kinh tế đặc biệt là khu vực dân doanh, tránh tình trạng dồn hết vốn của quỹ này như hiện nay cho khu vực doanh nghiệp nhà nước và các dự án không thuộc diện ưu đãi đầu tư. Do đó cần áp dụng mức lãi suất hợp lý nhằm khuyến khích các nhà đầu tư nhất là các vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn.

Cùng với quỹ này Chính phủ sẽ thành lập thêm 2 quỹ hỗ trợ nữa là quỹ hỗ trợ xuất khẩu quốc gia và quỹ hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia. Các quỹ này sẽ thực hiện chức năng cấp tín dụng ưu đãi, trợ cấp lãi suất vay, hoặc bảo lãnh tín dụng cho các dự án đầu tư theo Luật

người sử dụng đất nông nghiệp và lâm nghiệp nhà nước đã cho phép họ có các quyền này.

Với nhà đầu tư là Việt kiều cần cho phép họ được quyền mua nhà ở để họ yên tâm đầu tư và kinh doanh tại Việt Nam.

Cần làm tốt hơn nữa vấn đề xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng các khu công nghiệp và khu chế xuất để cho các nhà đầu tư thuê làm mặt bằng sản xuất - kinh doanh với các điều kiện ưu đãi. Thực tế thời gian qua trên phạm vi cả nước đã hình thành 64 khu công nghiệp - khu chế xuất nhưng mới chỉ thu hút được 222 dự án đầu tư trong nước và 510 dự án đầu tư nước ngoài với tổng diện tích cho thuê chưa tới 30% tổng quỹ đất của các khu công nghiệp, khu chế xuất. Thậm chí có tới 23 khu công nghiệp chưa cho thuê được 1 ha đất nào.

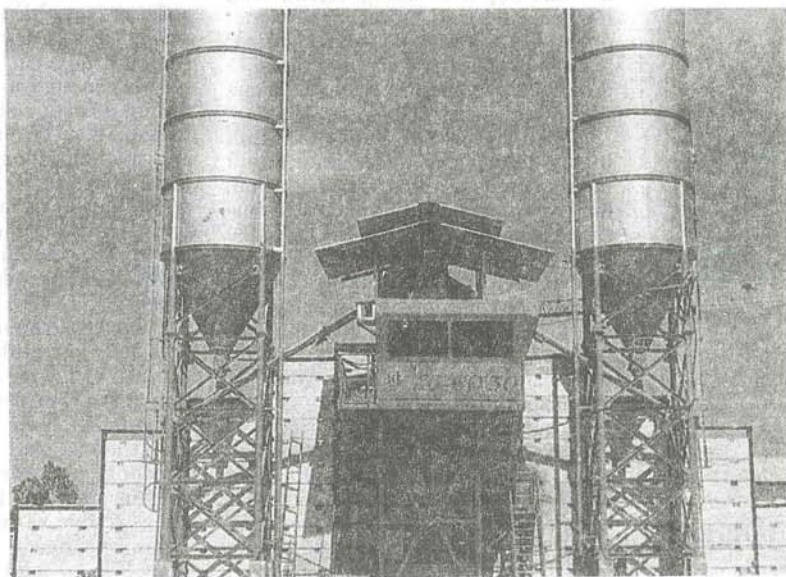
Xúc tiến triển khai các vấn đề ưu đãi có liên quan đến đất đai như miễn, giảm tiền sử dụng đất, thuê đất và thuế sử dụng đất theo tinh thần Luật KKĐTTN năm 1998 sửa đổi để tạo điều kiện cho các nhà đầu tư mạnh dạn hơn trong đầu tư nhất là ở các vùng sâu, vùng xa và vùng đặc biệt khó khăn.

5. Thực thi các chủ trương chính sách

Cần nghiêm túc hơn nữa khi thực hiện các chủ trương, chính sách mà Nhà nước đã ban hành trong luật, nghị định, thông tư hướng dẫn thi hành luật. Tuyệt đối tránh tình trạng chủ trương chính sách chỉ tồn tại trên văn bản giấy tờ hoặc có áp dụng thì tùy tiện theo kiểu "phép vua thua lệ làng" hoặc cố tình hiểu sai, vận dụng sai để nhằm đạt được lợi ích cho riêng mình.

Thiết nghĩ các biện pháp ưu đãi đầu tư không nhất thiết phải ban hành nhiều mà chỉ nên tập trung giải quyết những vấn đề nổi cộm thực tế đã gây cản trở và khó khăn nhất cho các nhà đầu tư.

Theo suy nghĩ chủ quan nếu trong thời gian tới tinh thần Luật KKĐTTN 1998 sửa đổi được triển khai đúng đắn sẽ có tác dụng thúc đẩy các nhà đầu tư trong nước mạnh dạn hơn trong đầu tư rất nhiều. Điều đó làm tăng theo nguồn lực để phát triển có hiệu quả nền kinh tế ■



KKĐTTN.

Vì thế việc chấn chỉnh cơ chế điều hành và hoạt động của quỹ HTĐTQG thực sự cần thiết nếu không trong tương lai khi xuất hiện thêm 2 loại quỹ trên sẽ mất tác dụng. Mặt khác ngoài quỹ hỗ trợ đầu tư quốc gia thì các địa phương cũng nên thành lập các quỹ hỗ trợ do các tổ chức, cá nhân cùng góp vốn.

Đồng thời cần đơn giản hóa thủ tục vay vốn từ các quỹ này và kiên quyết xóa bỏ tình trạng xin cho mà phải thực sự làm cho quỹ đóng vai trò hỗ trợ nhà đầu tư.

4. Vấn đề đất đai cho dự án đầu tư

Việc hỗ trợ đất đai làm mặt bằng sản xuất kinh doanh và trao cho nhà đầu tư các quyền chuyển nhượng, quyền góp vốn, quyền thế chấp, quyền cho thuê lại đất là một vấn đề quan trọng và thích đáng nhất. Vì với